

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/DS-ST

Ngày: 09/8/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thi Thị Thanh Trúc

Bà Trần Thị Sang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Châu Thị Phượng Liên - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 713/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

Người đại diện theo ủy quyền cho bà **Trần Thị Đ** là ông **Đỗ Hiếu N**, sinh năm 1978, địa chỉ: **ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** (xin vắng mặt)

Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Kim P**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện của bà **Trần Thị Đ** và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Thị Đ** là ông **Đỗ Hiếu N** trong quá trình giải quyết vụ án, như sau:

Ông **T** và bà **P** là hộ dân nuôi thủy sản, bà **Đ** là người bán thức ăn, thuốc thủy sản. Ông **T**, bà **P** thường xuyên mua thức ăn, thuốc thủy sản của bà **Đ** và thanh toán tiền khi thu hoạch. Việc giao dịch này diễn ra trong nhiều năm, chỉ thỏa thuận bằng lời nói và ghi sổ theo dõi chứ không có lập thành văn bản, lúc đầu ông **T** và bà **P** thanh toán đúng cam kết, thời gian sau ông **T** và bà **P** thu hoạch tôm mà không thanh toán. Ngày 25/10/2021, bà **Đ**, ông **T** và bà **P** thống nhất lại là ông **T** và bà **P** còn nợ bà **Đ** 189.930.000 đồng. Bà **Đ** đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng ông **T** và bà **P** không thực hiện.

Nay bà **Đ** yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Kim P** có nghĩa vụ phải trả cho bà **Đ** nợ gốc là 189.930.000 đồng, bà **Đ** không yêu cầu tính lãi.

\* Theo lời khai của bị đơn ông **Nguyễn Văn T** bày như sau:

Anh **T** thừa nhận vợ chồng ông có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà **Đ** (bà **T1**) từ nhiều năm nay. Khi mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản có trả tiền mặt, cũng có thiếu lại và hẹn khi nào bắt tôm lên sẽ trả. Tuy nhiên do thua lỗ tôm, nên không có tiền trả cho bà **Đ**. Hiện tại vợ chồng ông còn nợ bà **Đ** số tiền 189.930.000 đồng và ông đồng ý trả số tiền 189.930.000 đồng cho bà **Đ**, nhưng cho ông xin lãi và do phải đi làm nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà **Nguyễn Kim P** được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham dự phiên tòa cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **T** thừa nhận còn nợ bà **Đ** 189.930.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản đến nay chưa trả, nên đây là sự thật không cần phải chứng minh.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà **Trần Thị Đ** yêu cầu ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Kim P** cùng trú tại **ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh** trả 189.930.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Kim P, tuy nhiên bà P không đến Tòa án lần thứ hai. Ông Đỗ Hiếu N đại diện cho nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn T cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án đã tiến hành công khai, tiếp cận chứng cứ và xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T thừa nhận còn nợ bà Đ 189.930.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản đến nay chưa trả. Đây là sự thật, không cần phải chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 189.930.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản mà ông T, bà P nợ bà Đ là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nhưng đến nay chưa trả, theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 275, Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự thì ông T và bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 189.930.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

Đối với yêu cầu tính lãi số tiền 48.158.963 đồng, ông Đỗ Hiếu N đại diện cho bà Trần Thị Đ rút lại là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị Đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 244, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 275, Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Đ1.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ 189.930.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị Đ

2/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim P phải chịu 9.496.500 đồng (chín triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Trần Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.953000 đồng theo biên lai thu số 0004032 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

**Nguyễn Phú Hiệp**